

TĐT

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 271 /BC-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO TÓM TẮT
Nghiên cứu, sửa đổi toàn diện đối với dự án Luật Quản lý thuế

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	CN: C
	Ngày: 26/4/2025

Kính gửi:

- Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Thực hiện Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả nghiên cứu sửa đổi toàn diện đối với dự án Luật Quản lý thuế (Luật QLT) như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU, RÀ SOÁT

1. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (Luật QLT năm 2019) được Quốc hội thông qua ngày 13/6/2019, thay thế Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 và các luật sửa đổi, bổ sung. Luật gồm 17 chương, 152 điều quy định toàn diện về quản lý thuế.

Qua gần 5 năm thực hiện, Luật đã góp phần tăng cường tính minh bạch, đẩy mạnh cải cách hành chính và bảo vệ quyền lợi người nộp thuế. Đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Luật đã tạo hành lang pháp lý vững chắc để triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ thiết thực cho người nộp thuế.

Tuy nhiên, trong 05 năm qua, với nhiều chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước như khuyến khích đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tinh gọn tổ chức bộ máy, Luật QLT năm 2019 đã bộc lộ một số hạn chế. Vì vậy, cần thiết phải tiến hành nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật.

2. Quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, rà soát

Bộ Tài chính đã thực hiện các hoạt động sau:

- (1) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật QLT năm 2019 và các văn bản có liên quan.
- (2) Tổng hợp kiến nghị vướng mắc từ các nguồn khác nhau.
- (3) Tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật, lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật QLT (thay thế) gửi xin ý kiến các Bộ ngành, UBND các tỉnh, thành phố và các tổ chức liên quan.

Tính đến ngày 21/4/2025, Bộ Tài chính đã nhận được 54 văn bản góp ý,

trong đó: 29/54 ý kiến nhất trí hoàn toàn từ các Bộ, ngành, địa phương; 25/54 ý kiến nhất trí và có đề xuất sửa đổi, bổ sung từ các Bộ, ngành, tổ chức và địa phương.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, RÀ SOÁT

1. Đánh giá kết quả đạt được trong thi hành Luật QLT năm 2019

1.1. Đánh giá chung

Luật QLT năm 2019 đã được xây dựng với tầm nhìn chiến lược, bám sát định hướng của Đảng và Nhà nước về cơ cấu lại ngân sách và đảm bảo nền tài chính quốc gia bền vững. Luật đã cụ thể hóa Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 với mục tiêu xây dựng ngành thuế hiện đại, lấy nền tảng thuế điện tử làm trọng tâm.

Luật đã tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc tháo gỡ khó khăn và khuyến khích đầu tư kinh doanh, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Luật QLT năm 2019 đã đưa ra khuôn khổ cải cách với 10 nhóm chính sách then chốt và Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi, bổ sung 14 Điều nhằm tháo gỡ vướng mắc cấp bách.

Mặc dù đã có nhiều thành tựu, với sự đổi mới trong chủ trương của Đảng, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế số và yêu cầu cải cách hành chính, Luật QLT năm 2019 cần được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bối cảnh quốc tế đang thay đổi nhanh chóng.

1.2. Đánh giá việc thực hiện một số quy định cụ thể trong Luật QLT năm 2019

Luật QLT năm 2019 đã đạt được 05 kết quả nổi bật, cụ thể như sau:

1.2.1. Nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp và người nộp thuế

Luật QLT năm 2019 đã tạo bước đột phá trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian kê khai xuống còn dưới 100 giờ/năm. Cơ quan thuế đã hiện đại hóa các kênh tương tác, bao gồm ra mắt Chatbot AI “Trợ lý ảo hỗ trợ người nộp thuế” vào 21/11/2024. Khảo sát năm 2024 cho thấy mức độ hài lòng của người nộp thuế đạt 88,3%, tiệm cận mục tiêu 90% trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

1.2.2 Tăng cường bảo vệ quyền lợi người nộp thuế

Luật đã thiết lập khung pháp lý toàn diện bảo vệ quyền lợi người nộp thuế, cho phép yêu cầu giải thích và cung cấp thông tin, miễn xử phạt vi phạm và miễn tính tiền chậm nộp trong trường hợp đặc biệt, bảo mật thông tin và hỗ trợ trong trường hợp khó khăn.

1.2.3. Hiện đại hóa công tác quản lý và giám sát thuế

Luật đã mở rộng phạm vi quản lý thuế, bao gồm cả giao dịch xuyên biên giới và thương mại điện tử. Thành công nổi bật là triển khai hệ thống hóa đơn điện tử toàn quốc từ tháng 7/2022 với hơn 11,48 tỷ hóa đơn điện tử được ghi nhận.

Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài (21/3/2022) đã

thu được khoảng 11.478 tỷ đồng và Cổng thông tin cho hộ, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử (19/12/2024) đã tích hợp đầy đủ các chức năng từ đăng ký đến kê khai, nộp thuế.

1.2.4. Nâng cao hiệu quả thu ngân sách và chống thất thu

Thu ngân sách từ thuế tăng trưởng ổn định, từ 1.539 nghìn tỷ đồng năm 2020 lên 2.037,5 tỷ đồng năm 2024 (tăng 19,8% so với dự toán). Công tác thanh tra, kiểm tra thuế năm 2024 đã kiến nghị xử lý 62.726 tỷ đồng, với 16.463 tỷ đồng tăng thu. Thu hồi nợ thuế tăng từ 41.557 tỷ đồng năm 2023 lên 61.227 tỷ đồng năm 2024, tăng 33,2%. Trong lĩnh vực thương mại điện tử, đã tiếp nhận thông tin từ 439 sàn giao dịch với gần 725 nghìn tổ chức, cá nhân kinh doanh, tổng giá trị giao dịch đạt hơn 75 nghìn tỷ đồng.

1.2.5. Thúc đẩy hội nhập quốc tế

Luật QLT năm 2019 đã xây dựng khung pháp lý phù hợp với cam kết quốc tế, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, tăng cường khả năng chống trốn thuế, chuyển giá và gian lận thuế xuyên biên giới, góp phần tạo môi trường đầu tư thuận lợi và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Về bất cập, hạn chế và nguyên nhân của bất cập, hạn chế

2.1. Về bất cập, hạn chế

Qua tổng kết, đánh giá, nghiên cứu, rà soát, Luật Quản lý thuế năm 2019 đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế nhất định, tập trung vào một số vấn đề lớn như sau:

2.2.1. Bất cập trong khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ

Khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ đang bộc lộ nhiều điểm nghẽn, thể hiện qua ba nhóm vấn đề chính:

- Quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế chưa bao quát hết các tình huống thực tế.

- Quy trình nộp thuế và ấn định thuế còn bất cập về thời hạn nộp thuế, xử lý chậm nộp và ấn định thuế đối với người nước ngoài.

- Công tác hoàn thuế và quản lý chứng từ còn vướng mắc, công tác kiểm tra và thanh tra thuế đang gặp nhiều trở ngại.

2.2.2. Chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế số

Luật QLT năm 2019 chưa bắt kịp sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế số, đặc biệt trong bối cảnh thương mại điện tử xuyên biên giới bùng nổ. Thiếu các công cụ pháp lý phù hợp để quản lý doanh thu và thu thuế từ các nền tảng số, sàn giao dịch trực tuyến. Việc Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đòi hỏi điều chỉnh căn bản trong cơ chế quản lý thuế.

2.2.3. Hạn chế trong ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số

Hệ thống pháp lý hiện hành chưa tạo hành lang đầy đủ cho việc ứng dụng công nghệ tiên tiến như dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong quản lý thuế. Khung pháp lý cho quản lý thuế điện tử toàn diện còn thiếu và chưa đồng bộ. Tốc độ chuyển đổi số của ngành thuế Việt Nam chưa theo kịp các nước trong việc xây

dựng hệ thống thuế thông minh.

2.2.4. Hạn chế trong kiểm soát gian lận

Thực trạng gian lận và trốn thuế đang diễn biến ngày càng tinh vi và phức tạp. Các hành vi vi phạm đã phát triển thành các thủ đoạn có tổ chức với quy mô lớn, đặc biệt trong giao dịch xuyên biên giới. Các doanh nghiệp đa quốc gia thường lợi dụng việc chuyển giá để tối thiểu hóa nghĩa vụ thuế. Công cụ và năng lực giám sát của cơ quan thuế còn hạn chế, thiếu cơ chế trao đổi thông tin tự động với các nước.

2.2.5. Chậm đổi mới theo xu hướng quốc tế

Biểu hiện qua ba khía cạnh chính: Hệ thống quản lý thuế điện tử chưa được phát triển đồng bộ và toàn diện; Việc ứng dụng công nghệ trong phân tích và cảnh báo sớm các hành vi bất thường còn hạn chế; Cơ quan thuế chưa xây dựng được nền tảng trực tuyến đủ thân thiện và tiện dụng.

2.3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

2.3.1. Bối cảnh kinh tế và thương mại

Sự suy giảm của nền kinh tế toàn cầu do tác động từ đại dịch Covid-19 và xung đột Nga-Ukraine đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và việc thực hiện nghĩa vụ thuế. Xu hướng toàn cầu hóa cùng với sự phát triển của công nghệ số đã làm thay đổi cấu trúc hoạt động của doanh nghiệp, tạo ra các mô hình kinh doanh mới. Khả năng dự báo và ứng phó của cơ quan quản lý còn hạn chế, chưa theo kịp tốc độ biến đổi của môi trường kinh doanh.

2.3.2. Hệ thống pháp lý và thực thi

Tính thiếu đồng bộ giữa Luật Quản lý thuế với các văn bản pháp luật liên quan tạo ra những khoảng trống trong quản lý. Thẩm quyền hạn hẹp của cơ quan thuế trong công tác thanh tra, kiểm tra là rào cản lớn, không được phép kiểm tra đột xuất tại trụ sở doanh nghiệp, không có quyền điều tra và thẩm vấn các đối tượng liên quan. Cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan điều tra còn nhiều bất cập, quy trình chuyển hồ sơ thường diễn ra chậm chạp.

2.3.3. Năng lực quản lý và nguồn lực

Hạn chế nổi bật là sự thiếu đồng bộ của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan quản lý, cản trở việc chia sẻ thông tin kịp thời. Tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao - những người có khả năng thành thạo ngoại ngữ và am hiểu sâu về các vấn đề thuế quốc tế phức tạp như chuyển giá, thương mại điện tử.

3. Một số đề xuất định hướng sửa đổi toàn diện Luật Quản lý thuế

3.1. Mục tiêu, định hướng và yêu cầu đối với Luật Quản lý thuế sửa đổi

3.1.1. Mục tiêu

Mục tiêu nghiên cứu, sửa đổi toàn diện Luật Quản lý thuế nhằm:

- (1) Đẩy mạnh việc chuyển đổi số và hiện đại hóa việc quản lý thu thuế
- (2) Nâng cao năng lực quản lý thuế phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy mới

- (3) Hoàn thiện và đồng bộ hóa khung pháp lý để giải quyết các vướng mắc
- (4) Phù hợp với xu hướng cải cách thuế của các nước theo tổ chức quốc tế
- (5) Đổi mới các nội dung và điều luật theo hướng cải cách thủ tục hành chính
- (6) Nâng cao hiệu quả của quản lý thuế để phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế

3.1.2. Quan điểm, định hướng hoàn thiện Luật Quản lý Thuế

- (1) Thể chế hóa chủ trương về chuyển đổi số, hiện đại hóa quản lý thuế; tái thiết kế quy trình, tái cấu trúc hệ thống công nghệ thông tin
- (2) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tăng cường kết nối dữ liệu liên thông giữa các bộ, ngành và địa phương
- (3) Bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, góp phần đạt mục tiêu phát triển kinh tế giai đoạn 2026-2030
- (4) Thúc đẩy sự tuân thủ tự nguyện trên cơ sở phân loại mức độ tuân thủ pháp luật và mức độ rủi ro
- (5) Kế thừa và phát huy những quy định hiệu quả, đồng thời sửa đổi quy định gây vướng mắc
- (6) Luật hóa những nội dung đã được thực tiễn chứng minh thông qua các văn bản dưới luật
- (7) Đảm bảo hội nhập kinh tế quốc tế, tuân thủ các Điều ước quốc tế và thông lệ quốc tế
- (8) Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả; xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế

3.1.3. Yêu cầu đối với Luật Quản lý thuế sửa đổi

Luật Quản lý thuế sửa đổi cần đáp ứng các yêu cầu:

- Phù hợp với Hiến pháp và đồng bộ với các Luật khác
- Cập nhật các định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước
- Rõ thẩm quyền giữa Luật, Chính phủ và Bộ Tài chính
- Phù hợp với thực tiễn quản lý và chuyển đổi số
- Thuận lợi trong quá trình thực thi
- Bao quát được các vấn đề về công tác quản lý thuế
- Đảm bảo tính khả thi, rõ ràng, minh bạch

3.2. Về các nội dung định hướng sửa đổi Luật Quản lý thuế

(1) Những nội dung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện:

Qua rà soát có 114/152 Điều cần sửa đổi, bổ sung nhằm giải quyết vướng mắc phát sinh, đảm bảo đồng bộ với pháp luật liên quan, hiện đại hóa công tác quản lý thuế.

Trong đó:

- Về chuyển đổi số và tự động hóa quản lý thuế: 13 Điều
- Về hóa đơn điện tử: 6 Điều
- Về cắt giảm và đơn giản thủ tục hành chính: 17 Điều
- Bổ sung mới 03 Điều: Điều 13a: quy định tham chiếu cách tính thời hạn, thời hiệu; Hai Điều vào sau Điều 112: kiểm tra lại (Điều 112a); việc kiểm tra thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 112b)

(2) Những nội dung lược bỏ:

Đề xuất bãi bỏ 10 Điều, gồm Điều 28: Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn; Điều 51: Xác định mức thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và 08 Điều (từ Điều 113 đến Điều 120): quy định về thanh tra thuế

(3) Những nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính:

Đề xuất sửa đổi, bổ sung 17 Điều nhằm: Đơn giản hồ sơ đăng ký thuế; Khai thuế tự động ứng dụng AI và Big Data; Giải quyết hoàn thuế tự động; Đơn giản hóa thủ tục nộp thuế; Bổ sung quy định về trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin giữa các Bộ ngành; Rút ngắn thời hạn kiểm tra hồ sơ khai thuế; Xử lý tự động số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa; Thống nhất việc sử dụng hóa đơn điện tử không mã cho doanh nghiệp

(4) Những nội dung phân cấp, phân quyền:

Đề xuất sửa đổi, bổ sung 06 Điều nhằm:

- Phân cấp quản lý thuế giữa các cấp cơ quan quản lý thuế
- Phân quyền thu thuế cho các cơ quan nhà nước khác
- Cơ chế phối hợp liên ngành
- Bổ sung thẩm quyền khoan nợ cho Thủ trưởng cơ quan thuế
- Mở rộng việc giao quyền cho cấp phó

(5) Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau

Hiện nay, Bộ Tài chính đã nhận được 54 ý kiến cơ bản nhất trí của các Bộ ngành, địa phương, các tổ chức.

Chính phủ xin báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Luật Quản lý thuế cụ thể như sau:

3.2.1. Về các quy định chung

(1) Về đối tượng áp dụng: Thời gian qua, một số Luật liên quan đã sửa đổi bổ sung quy định về người nộp thuế mà tại Luật Quản lý thuế chưa có quy định như Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu; Luật số 56/2024/QH15, Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15. Tên gọi của các cơ quan quản lý thuế đã thay đổi. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 để bao quát đầy đủ các đối tượng áp dụng cho phù hợp.

(2) Về giải thích từ ngữ: Qua rà soát Luật QLT năm 2019, một số khái niệm, thuật ngữ cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và các quy định pháp luật mới. Ví dụ như khái niệm về các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và không do cơ quan quản lý thuế quản

lý thu chưa phù hợp với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về tài nguyên. Quy định về tiền thuê mặt nước (điểm c khoản 2 Điều 3) không còn phù hợp với Luật Đất đai 2024; Rà soát Luật Tàn số vô tuyến điện sửa đổi 2022 có khoản tiền cấp quyền sử dụng tần vô tuyến điện.

(3) Về nội dung quản lý thuế và nguyên tắc quản lý thuế: Luật QLT năm 2019 quy định chưa đủ rõ ràng về việc gia hạn tiền thuế nợ, dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện đối với các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu. Cần nghiên cứu bổ sung quy định rõ về nguyên tắc áp dụng, trách nhiệm, thẩm quyền thực hiện đối với các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước trong trường hợp áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành đồng thời với Luật QLT năm 2019.

(4) Về đồng tiền khai thuế, nộp thuế: Luật QLT năm 2019 quy định đồng tiền khai thuế, nộp thuế là Đồng Việt Nam, trừ các trường hợp được phép khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Tuy nhiên, thực tế người nộp thuế có thể khai thuế bằng một loại ngoại tệ và nộp thuế bằng một loại ngoại tệ khác, dẫn đến phát sinh nợ cho khoản ngoại tệ có nghĩa vụ phải nộp và thừa cho khoản ngoại tệ đã nộp. Cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 cho phù hợp đối với hoạt động dầu khí và thuế tối thiểu toàn cầu và bổ sung thẩm quyền cho Chính phủ quy định cụ thể việc quy đổi tỷ giá giữa các loại tiền tệ.

(5) Về quản lý rủi ro trong quản lý thuế: Luật QLT năm 2019 đã quy định áp dụng các biện pháp quản lý thuế trực tiếp đối với các trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế và thanh tra thuế. Cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật QLT theo định hướng làm rõ phạm vi áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế và quyền, trách nhiệm của cơ quan thuế khi phát hiện người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro cao về thuế.

(6) Về xây dựng lực lượng quản lý thuế: Cần sửa đổi Luật QLT năm 2019 theo hướng quy định cơ quan thuế có trách nhiệm bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức quản lý thuế, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy mới.

(7) Về hiện đại hóa công tác quản lý thuế: Xu hướng hiện đại hóa quản lý thuế hiện nay đã phát triển mạnh mẽ với việc ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), blockchain và điện toán đám mây. Cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 để bổ sung đầy đủ các quy định nhằm thực hiện giao dịch, trao đổi, cung cấp theo phương thức điện tử, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý thuế trong bối cảnh chuyển đổi số.

(8) Về hợp tác quốc tế về thuế: Cần sửa đổi, bổ sung Luật QLT năm 2019 theo định hướng mở rộng các biện pháp thu nợ thuế và bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong việc quy định chi tiết các nội dung liên quan đến hợp tác quốc tế về thuế.

(9) Về kết thúc thời hạn của các thủ tục thuế: Cần bổ sung Luật QLT năm 2019 quy định tham chiếu đến cách tính thời hạn, thời hiệu của Bộ luật Dân sự trong trường hợp ngày cuối cùng của các thời hạn, thời hiệu là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ để khắc phục vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

3.2.2. Về trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý thuế

(1) **Về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:** Cần sửa đổi tên gọi các Bộ, ngành cho phù hợp với mô hình sau sắp xếp tổ chức bộ máy. Bổ sung trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Công thương, Ngân hàng Nhà nước và các Bộ liên quan trong việc kết nối, chia sẻ thông tin, đặc biệt là dữ liệu Quốc gia về dân cư để thực hiện chuyển đổi số toàn diện. Cần quy định rõ việc cung cấp thông tin phải tự động, kịp thời phục vụ quản lý thuế đối với cả loại hình tiền số, tài sản ảo.

(2) **Về quyền của người nộp thuế:** Cần bổ sung quy định về quyền của người nộp thuế trong việc ủy quyền khai thay, nộp thuế thay theo quy định của pháp luật dân sự. Điều chỉnh quy định người nộp thuế không bị xử phạt khi thực hiện theo văn bản hướng dẫn, bao gồm cả văn bản của cơ quan hải quan.

(3) **Về trách nhiệm của người nộp thuế:** Bổ sung quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội nhằm quản lý các khoản thu thông qua hoạt động hợp tác, nhận tài trợ, ký kết hợp đồng kinh tế với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

(4) **Về nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế:** Bổ sung nhiệm vụ kiểm tra thuế của cơ quan thuế để tương ứng với quyền hạn. Quy định trách nhiệm khôi phục mã số thuế cho người nộp thuế trong trường hợp cơ quan thuế đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế không đúng quy định.

(5) **Về quyền hạn của cơ quan quản lý thuế:** Bổ sung quyền hạn của cơ quan thuế trong việc yêu cầu người nộp thuế thực hiện trách nhiệm và quyền chỉ định đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

(6) **Về nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Nhà nước:** Quy định Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Nhà nước phải gửi biên bản, báo cáo kiểm toán hoặc kết luận cho cơ quan quản lý thuế. Người nộp thuế khi không đồng ý với kiến nghị của các cơ quan này phải gửi thông báo cho cơ quan quản lý thuế để theo dõi.

(7) **Về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức tín dụng:** Cụ thể hóa trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong việc cung cấp thông tin về tài khoản của người nộp thuế, bao gồm thời gian, phương thức cung cấp và thông tin định danh của tài khoản.

(8) **Về Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn:** Bãi bỏ toàn bộ Điều 28 quy định về Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn, thay vào đó áp dụng cơ chế tự khai tự nộp, thực hiện trách nhiệm của người nộp thuế.

(9) **Về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác:** Bổ sung quy định về trách nhiệm của người được ủy quyền, bảo lãnh và nộp thuế thay cho người nộp thuế. Quy định việc phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp thông tin khi xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước.

3.2.3. Về đăng ký thuế:

(1) Về đối tượng đăng ký thuế và cấp mã số thuế: Luật QLT năm 2019 chưa có quy định cụ thể về cấp mã số thuế cho một số đối tượng như tổ chức không có tư cách pháp nhân (nhà thầu nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp nước ngoài), doanh nghiệp khác tình được cấp phép khai thác tài nguyên nhưng không thành lập chi nhánh và chưa quy định về cấp mã số thuế nộp thay theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu.

(2) Về hồ sơ, thủ tục và thời hạn đăng ký thuế: Qua thực tiễn, còn thiếu quy định xác thực người đại diện pháp luật, thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu đối với bên Việt Nam khấu trừ thuế cho nhà thầu nước ngoài gây khó khăn. Chưa quy định trường hợp cá nhân đã có số định danh không phải đăng ký thuế và chưa có quy định về địa điểm, thời hạn đăng ký thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu.

(3) Về cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế: Khi thực hiện liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh, cơ quan thuế không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế nên không cần cấp giấy chứng nhận. Khi sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế, việc cấp thông báo mã số thuế cũng không còn cần thiết. Luật chưa có quy định về thông báo mã số thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu.

(4) Về sử dụng mã số thuế: Luật quy định sử dụng mã số định danh cá nhân thay cho mã số thuế, nhưng thực tế quản lý thuế cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đăng ký ngày càng tăng, gây thất thu ngân sách và khó khăn trong quản lý thuế.

(5) Về thông báo thay đổi thông tin và tạm ngừng hoạt động: Khi thực hiện liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh và sử dụng mã số định danh cá nhân, cần sửa đổi quy định về thông báo thay đổi thông tin và tạm ngừng hoạt động.

(6) Về đăng ký thuế khi tổ chức lại doanh nghiệp: Luật quy định đăng ký thuế khi tổ chức lại doanh nghiệp, nhưng Luật Hợp tác xã không có quy định về tổ chức lại mà chỉ quy định về chia, tách, sáp nhập, hợp nhất. Theo Luật Doanh nghiệp, hộ kinh doanh không có hình thức tổ chức lại.

(7) Về chấm dứt hiệu lực và khôi phục mã số thuế: Nhiều doanh nghiệp thực hiện thủ tục đóng mã số thuế mặc dù vẫn còn nợ thuế tại cơ quan Hải quan. Luật chưa quy định người nộp thuế không đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế được nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế sau khi bị thông báo không hoạt động tại địa chỉ đăng ký.

3.2.4. Về khai thuế, tính thuế

(1) Về nguyên tắc khai thuế, tính thuế: Luật QLT 2019 chưa phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp lớn (điện, dầu khí, viễn thông). Vương mắc: thời điểm xác định nghĩa vụ thuế khác với lập hóa đơn; thiếu quy định rõ về trách nhiệm của người được ủy quyền; chưa quy định rõ về thời gian hiệu lực của APA. Cần sửa đổi, bổ sung Luật cho phù hợp.

(2) Về hồ sơ khai thuế

Luật cho phép dùng hồ sơ hải quan làm hồ sơ khai thuế. Tồn tại: nhiều trường hợp lợi dụng kê khai theo quý để xuất không hóa đơn rồi bỏ trốn; đối tượng không chịu thuế vẫn phải nộp hồ sơ. Cần sửa đổi để khắc phục bất cập, giao Chính phủ quy định các trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế.

(2) Về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế: Luật thiếu quy định cụ thể về: thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN; thời hạn quyết toán cho cá nhân cư trú tính theo 12 tháng; người nước ngoài kết thúc hợp đồng; thời hạn gửi quyết định cấp quyền khai thác khoáng sản; thời hạn nộp hồ sơ với hoạt động xuất bán dầu thô. Cần sửa đổi cho phù hợp.

(3) Về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế: Chưa quy định rõ về: nguyên tắc khai thuế cho đơn vị phụ thuộc cùng địa bàn với trụ sở chính; địa điểm nộp hồ sơ đề nghị miễn giảm thuế theo Hiệp định; nơi nộp hồ sơ khai thuế bổ sung về đất đai; địa điểm nộp với kinh doanh thương mại điện tử. Cần sửa đổi cho phù hợp.

(4) Về gia hạn nộp hồ sơ khai thuế: Luật chưa có quy định về gia hạn nộp hồ sơ trong trường hợp bất khả kháng hoặc khó khăn đặc biệt áp dụng cho nhiều người nộp thuế (như đại dịch COVID-19). Cần bổ sung quy định giao Chính phủ quyết định gia hạn trong các trường hợp đặc biệt.

(5) Về khai bổ sung hồ sơ khai thuế: Chưa có quy định cấm khai bổ sung khi có yêu cầu từ cơ quan điều tra. Tình trạng doanh nghiệp “ma” mua bán hóa đơn phổ biến. Chưa quy định rõ cách xử lý kết quả giải trình của người nộp thuế. Cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(6) Về trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế: Quy định thông báo tiếp nhận trong 3 ngày làm việc cần rút ngắn khi áp dụng phương thức điện tử. Cần quy định riêng thời hạn chấp nhận hồ sơ theo từng loại và hình thức nộp. Cần sửa đổi cho phù hợp.

3.2.5. Về ấn định thuế

(1) Về ấn định thuế đối với người nộp thuế vi phạm pháp luật: Luật QLT 2019 thiếu nguyên tắc ấn định với giao dịch không theo giá thị trường; khó xác định dữ liệu có tính pháp lý; chưa quy định rõ thủ tục ấn định với hộ kinh doanh kê khai. Cần sửa đổi tạo minh bạch và bổ sung trách nhiệm cung cấp dữ liệu từ các cơ quan liên quan.

(2) Về xác định thuế với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế khoán: Cần sửa đổi Luật theo hướng xóa bỏ hình thức thuế khoán. Định hướng: Hộ có doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm phải kê khai và áp dụng kế toán đơn giản; từ 1/6/2025 áp dụng hóa đơn từ máy tính tiền kết nối với cơ quan thuế. Lộ trình áp dụng hóa đơn điện tử: 1/1/2027 với hộ có doanh thu từ 800 triệu đồng, 1/1/2028 mở rộng tiếp với ngưỡng thấp hơn.

(3) Về trách nhiệm của cơ quan thuế trong ấn định: Cần sửa đổi tăng tính pháp lý qua việc xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác làm căn cứ ấn định thuế.

(4) Về trách nhiệm người nộp thuế với số tiền thuế ấn định: Cần sửa đổi theo hướng người nộp thuế không đồng ý phải thực hiện theo quy định về khiếu

nại hoặc khởi kiện, nâng cao tính pháp lý của công tác ấn định.

3.2.6. Hoàn thiện quy định về nộp thuế đồng bộ với pháp luật mới được ban hành, đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế

(1) **Về thời hạn nộp thuế:** Luật chưa bao quát hết các khoản thu và thiếu quy định cụ thể về thời hạn nộp với nhiều trường hợp đặc biệt. Cần bổ sung và giao Chính phủ quy định cụ thể.

(2) **Về địa điểm và hình thức nộp thuế:** Khái niệm “địa điểm” nộp thuế không còn phù hợp với thanh toán điện tử hiện đại. Cần điều chỉnh cho phù hợp.

(3) **Về thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt:** Cần sửa đổi nguyên tắc cứng nhắc, cho phép người nộp thuế lựa chọn khoản thuế muốn thanh toán.

(4) **Về xác định ngày đã nộp thuế:** Cần bổ sung quy định về xác định ngày nộp thuế khi nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại tổ chức tín dụng.

(5) **Về xử lý chậm nộp:** Chưa quy định không tính tiền chậm nộp cho trường hợp đặc thù; cần bổ sung quy định về hồ sơ và thẩm quyền miễn tiền chậm nộp trong trường hợp bất khả kháng.

(6) **Về xử lý số tiền thuế nộp thừa:** Cần điều chỉnh thủ tục hoàn thuế, cách xác định ngày phát sinh số nộp thừa, hướng tới tự động hóa và giảm thủ tục.

(7) **Về nộp thuế trong thời gian khiếu nại, khởi kiện:** Cần bổ sung quy định về nghĩa vụ nộp thuế khi người tính thuế không phải cơ quan thuế.

(8) **Về gia hạn nộp thuế:** Cần quy định rõ thẩm quyền, đối tượng, loại thuế, thời gian và thủ tục gia hạn.

3.2.7. Hoàn thiện quy định về hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế

(1) **Các vấn đề chung:** Quy định chưa bao quát đầy đủ các tình huống thực tế. Cần sửa đổi cho phù hợp.

(2) **Về giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động:** Thiếu quy định về trách nhiệm của hợp tác xã, hợp đồng nhà thầu nước ngoài, dầu khí; chưa thống nhất thuật ngữ và thiếu hướng dẫn cưỡng chế nợ với các loại hình doanh nghiệp khác nhau.

(3) **Về tổ chức lại doanh nghiệp:** Quy định chưa nhất quán với Luật Doanh nghiệp và thiếu quy định cho hợp tác xã khi tổ chức lại.

(4) **Về người nộp thuế đã chết hoặc mất năng lực:** Cần sửa đổi cho phù hợp với quy định về xóa nợ tại Điều 85.

3.2.8. Hoàn thiện quy định về thủ tục hoàn thuế

(1) **Về các trường hợp hoàn thuế:** Cần bổ sung trách nhiệm cơ quan hải quan và quy định rõ trường hợp hoàn thuế với cá nhân đã chết hoặc mất năng lực.

(2) **Về hồ sơ hoàn thuế:** Cần đơn giản hóa thủ tục, cho phép đề nghị hoàn trên hồ sơ khai thuế và quy định cơ quan thuế tự động hoàn trả khoản nộp thừa.

(3) **Về tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế:** Cần quy định rõ cơ quan nào tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp kê khai tập trung và dự án đầu tư khác tính.

(4) **Về phân loại hồ sơ hoàn thuế:** Cần bổ sung quy định phân loại cho

hàng xuất nhập khẩu, chấm dứt hợp đồng đặc thù và điều chỉnh quy định về cá nhân. Tăng cường ứng dụng AI và Big Data để nâng cao hiệu quả và phòng chống gian lận.

(5) Về địa điểm kiểm tra hồ sơ hoàn thuế: Cần điều chỉnh quy định kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đối với cá nhân và hộ kinh doanh.

(6) Về thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế: Cần bổ sung thời hạn giải trình của người nộp thuế và quy định xử lý khi không cung cấp đủ thông tin.

(7) Về thẩm quyền quyết định hoàn thuế: Cần sửa đổi theo hướng áp dụng hoàn thuế tự động qua hệ thống CNTT mà không cần Thủ trưởng ký quyết định, đặc biệt với thuế TNCN từ lương.

(8) Về thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế: Quy định kiểm tra tất cả hồ sơ hoàn trước trong 5 năm không khả thi. Cần sửa đổi theo hướng bỏ chức năng thanh tra thuế chuyên ngành, tập trung chống gian lận hoàn thuế GTGT, tăng tính minh bạch và rút ngắn thời gian xử lý.

3.2.9. Sửa đổi quy định về không thu thuế, miễn thuế, giảm thuế; xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt cho phù hợp với thực tế và quy định mới của pháp luật có liên quan

(1) Về không thu thuế với hàng xuất nhập khẩu: Luật QLT 2019 chưa bao quát hết các trường hợp không thu thuế với hàng xuất nhập khẩu. Cần sửa đổi để đầy đủ hơn.

(2) Về miễn thuế, giảm thuế: Hiện có rất nhiều giao dịch giá trị nhỏ tồn đọng (hơn 344 triệu giao dịch ≤ 2.000 đồng), gây tổn kém chi phí quản lý. Cần sửa đổi quy định miễn thuế cho hợp lý.

(3) Về nộp hồ sơ miễn thuế, giảm thuế: Chưa quy định cụ thể nơi nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế cho cá nhân gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn. Cần bổ sung quy định rõ ràng.

(4) Về thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế: Quy định thời hạn 30-40 ngày chưa phù hợp với miễn giảm thuế theo Hiệp định thuế vì có tính chất phức tạp, nhiều trường hợp cần trao đổi với cơ quan thuế nước ngoài.

(5) Về các trường hợp khoan tiền thuế nợ: Còn bất cập về thời gian tính khoan nợ, việc xác minh người nộp thuế không hiện diện và thời gian thu hồi giấy đăng ký doanh nghiệp.

(6) Về thủ tục khoan nợ: Chưa quy định về việc chấm dứt hiệu lực quyết định khoan nợ, sửa đổi quyết định và thẩm quyền khoan nợ. Cần giao Chính phủ quy định chi tiết và bổ sung thẩm quyền cho cơ quan thuế quản lý khoản thu.

(7) Về trường hợp xóa nợ thuế: Cần bổ sung cụm từ “tất cả” để rõ về các khoản nợ thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt để cơ quan quản lý thuế dễ thực hiện.

(8) Về thẩm quyền xóa nợ thuế: Chưa quy định việc sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định xóa nợ không phù hợp pháp luật hoặc khi người nộp thuế quay lại hoạt động.

3.2.10. Hoàn thiện quy định về hoá đơn, chứng từ điện tử

(1) **Hóa đơn điện tử:** Cần sửa đổi định nghĩa mã cơ quan thuế thành “chuỗi ký tự do hệ thống của cơ quan thuế hoặc đơn vị ủy quyền tạo ra duy nhất cho từng hóa đơn”.

(2) **Nguyên tắc quản lý hóa đơn điện tử:** Sửa đổi quy định về máy tính tiền để mang tính bắt buộc hơn, bổ sung quy định mức giá trị thanh toán phải xuất hóa đơn.

(3) **Áp dụng hóa đơn điện tử:** Doanh nghiệp phát sinh chi phí khi phải sử dụng cả hóa đơn có mã và không mã. Cơ quan thuế tôn nhân lực cấp hóa đơn cho hộ kinh doanh từng lần phát sinh.

(4) **Dịch vụ về hóa đơn điện tử:** Quy định chưa thống nhất với quy định chung về hệ thống CNTT. Cần làm rõ các loại hình dịch vụ phù hợp với thực tế triển khai.

(5) **Cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử:** Cần bổ sung quy định về cơ sở dữ liệu chứng từ điện tử, thành phần dữ liệu, phương thức truyền nhận và phạm vi sử dụng cho các cơ quan nhà nước.

(6) **Chứng từ điện tử:** Cần quy định bắt buộc sử dụng chứng từ điện tử đối với tổ chức chi trả thu nhập để thuận lợi cho hoàn thuế TNCN.

3.2.11. Hoàn thiện quy định về thông tin người nộp thuế

(1) **Về hệ thống thông tin:** Cần bao quát đầy đủ thông tin về người nộp thuế và thông tin liên quan phục vụ quản lý thuế.

(2) **Về xây dựng, thu thập dữ liệu:** Cần điều chỉnh để phù hợp với định nghĩa hệ thống thông tin và lồng ghép với cơ sở dữ liệu Quốc gia khác, đặc biệt dữ liệu dân cư theo Đề án 06.

(3) **Về trách nhiệm cung cấp thông tin:** Cần quy định rõ trách nhiệm người nộp thuế khi phát hiện thông tin do cơ quan thuế cung cấp có sai khác.

(4) **Về trách nhiệm của tổ chức liên quan:** Cần bổ sung quy định về thực hiện thủ tục thuế bằng tài khoản định danh cá nhân để giảm thủ tục hành chính.

(5) **Về bảo mật thông tin:** Cần quy định rõ căn cứ cung cấp thông tin cho cơ quan tổ tụng và hoạt động trao đổi thông tin theo Hiệp định thuế.

(6) **Về công khai thông tin:** Cần bổ sung quy định về cung cấp thông tin cho chính người nộp thuế.

3.2.12. Hoàn thiện quy định về kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, làm thủ tục hải quan

(1) **Về tổ chức kinh doanh dịch vụ:** Cần cập nhật tên gọi Cục Thuế phù hợp với cơ cấu tổ chức sau sắp xếp bộ máy.

(2) **Về điều kiện cấp giấy xác nhận:** Quy định hiện tại chưa đủ chặt chẽ, đặc biệt khi đại lý thuế cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ.

(3) **Về cấp giấy xác nhận:** Cần sửa đổi để phù hợp với việc sắp xếp tổ chức và xu hướng số hóa thủ tục hành chính.

(4) **Về chứng chỉ hành nghề:** Cần kiểm soát tốt hơn các cá nhân không

được làm nhân viên đại lý thuế nhưng vẫn được cấp chứng chỉ.

3.2.13. Về chức năng kiểm tra thuế

(1) **Về chức năng thanh tra thuế:** Cần rà soát chức năng thanh tra thuế để chuyển sang kiểm tra giá chuyển nhượng phù hợp với cam kết quốc tế và Luật Thanh tra đang sửa đổi.

(2) **Về kiểm tra tại cơ quan thuế:** Chưa bao quát hết các trường hợp kiểm tra của cơ quan hải quan và chưa quy định về kiểm tra hóa đơn điện tử.

(3) **Về kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế:** Cần điều chỉnh quy định kiểm tra khi chuyển địa điểm, quy định tạm dừng cuộc kiểm tra và kéo dài thời hạn kiểm tra với nội dung phức tạp.

(4) **Về nhiệm vụ, quyền hạn:** Cần quy định rõ nhiệm vụ của thủ trưởng, trưởng đoàn kiểm tra và bổ sung quy định kiểm tra lại khi có vi phạm nghiêm trọng.

(5) **Về biện pháp xử lý trốn thuế:** Cơ quan thuế đã xây dựng cơ sở dữ liệu lớn và phát hiện nhiều vi phạm. Tuy nhiên, thẩm quyền còn hạn chế. Cần bổ sung biện pháp nghiệp vụ cho kiểm tra thuế khi bỏ chức năng thanh tra thuế chuyên ngành.

3.2.14. Về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

(1) **Về trường hợp bị cưỡng chế:** Cần quy định rõ “tiền thuế nợ”, điều chỉnh quy định nộp dần tiền thuế nợ quá 12 tháng và bổ sung dẫn chiếu về không áp dụng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan.

(2) **Về biện pháp cưỡng chế:** Cần bổ sung các công ty chứng khoán vào biện pháp trích tiền từ tài khoản, quy định đầy đủ các trường hợp chấm dứt hiệu lực quyết định và bao quát hết các loại giấy tờ.

(3) **Về thẩm quyền quyết định cưỡng chế:** Cần quy định việc sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định cưỡng chế sai sót và mở rộng việc giao quyền cho cấp phó.

(4) **Về quyết định cưỡng chế:** Cần điều chỉnh hiệu lực của quyết định để khắc phục vấn đề người nộp thuế rút tiền trước khi ngân hàng nhận được quyết định cưỡng chế.

(5) **Về các biện pháp cưỡng chế cụ thể:** Cần nhiều điều chỉnh: bổ sung công ty chứng khoán vào biện pháp trích tiền; sửa cụm từ “tài khoản ngân sách”; điều chỉnh việc công khai thông tin; quy định rõ giá trị tài sản kê biên; bổ sung chế tài với bên thứ ba không hợp tác; bổ sung các loại giấy tờ vào biện pháp thu hồi giấy phép.

3.2.15. Về xử lý vi phạm pháp luật về thuế

(1) **Về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính:** Luật QLT 2019 còn bất cập: thiếu đồng nhất giữa quy định xử phạt trong Luật QLT, Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 125/2020/NĐ-CP; chưa rõ cách xử lý khi một hành vi vừa vi phạm về thuế vừa vi phạm về hóa đơn; chưa quy định sử dụng thông báo tiếp nhận hồ sơ điện tử như biên bản vi phạm hành chính.

(2) **Về thẩm quyền xử phạt:** Cần sửa đổi tên gọi cơ quan hải quan và thẩm

quyền cho phù hợp với mô hình sau sắp xếp bộ máy.

(3) Về miễn tiền phạt: Cần sửa đổi phù hợp với Luật số 67/2020/QH14 về hoãn, giảm, miễn tiền phạt cho tổ chức, cá nhân gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo, tai nạn - không nhất thiết gắn với thiệt hại về tài sản. Tuy nhiên, cần khống chế mức miễn, giảm không quá giá trị thiệt hại thực tế.

(4) Về hành vi vi phạm thủ tục thuế: Chưa quy định miễn xử phạt khi chậm thực hiện thủ tục điện tử do sự cố hệ thống của cơ quan thuế; chưa rõ phạm vi miễn phạt đối với hộ kinh doanh nộp thuế khoán.

(5) Về hành vi khai sai: Chưa giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết các hành vi vi phạm; chưa rõ về thời điểm phát hiện vi phạm không qua thanh tra, kiểm tra; chưa quy định về hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm.

(6) Về hành vi trốn thuế: Cần bổ sung quy định chuyển từ trốn thuế sang khai sai; miễn xử phạt đối với cá nhân đã bị khấu trừ thuế tại nguồn; xử lý khi người nộp thuế bỏ địa chỉ kinh doanh còn nợ thuế; làm rõ định nghĩa một số hành vi trốn thuế. Nghiên cứu bổ sung chế tài thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh đối với hộ không tuân thủ quy định về hóa đơn điện tử.

3.2.16. Về khiếu nại, tố cáo, khởi kiện

Về trách nhiệm và quyền hạn trong giải quyết khiếu nại: Luật QLT 2019 không thống nhất với Luật Khiếu nại: dùng “Hội đồng tham vấn” thay vì “Hội đồng tư vấn”; Hội đồng tham vấn áp dụng cả khiếu nại lần đầu và hoạt động biểu quyết theo đa số, trong khi Hội đồng tư vấn chỉ thành lập cho khiếu nại lần hai và chỉ có vai trò tham khảo. Cần sửa đổi để thống nhất và bổ sung định nghĩa về “tham vấn trong giải quyết khiếu nại”.

3.2.17. Về điều khoản thi hành

(1) Về hiệu lực thi hành: Cần bổ sung quy định lộ trình áp dụng các quy định phòng, chống trốn thuế (Chương XIII), cho phép cơ quan thuế có thời gian chuẩn bị lực lượng, hoàn thiện bộ máy và kiến nghị sửa đổi các luật liên quan.

(2) Về điều khoản chuyển tiếp: Điều 152 gây vướng mắc với doanh nghiệp nợ thuế quá 10 năm phát sinh trước 1/7/2020: đủ điều kiện xóa nợ theo Luật hiện hành nhưng phải xử lý theo Luật cũ. Cần sửa đổi để bao quát các trường hợp chưa được xử lý khoanh nợ, xóa nợ theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Nghị quyết số 94/2019/QH14, giải quyết dứt điểm các khoản nợ thuế kéo dài không có khả năng thu hồi.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Qua kết quả nghiên cứu, rà soát nêu trên, Chính phủ đề xuất sửa đổi toàn diện Luật Quản lý thuế năm 2019 và sẽ triển khai xây dựng dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) theo quy trình, thủ tục của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, giảm chi phí tuân thủ pháp luật thuế của người dân và doanh nghiệp; xây dựng cơ quan thuế Việt Nam hiện đại, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả, liêm chính, đủ năng lực để thực hiện và quản lý tốt các mục tiêu và nội dung cải cách hệ thống thuế đã đề ra.

Chính phủ báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết

định về việc nghiên cứu, sửa đổi toàn diện dự án Luật Quản lý thuế

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Phạm Minh Chính;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban KT&TC của Quốc hội;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính (Vụ TH, Vụ PC, CT)
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công
- TTĐT, các Vụ: PL, QHĐP, TH;
- Lưu: VT, Vụ KTTH

32

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**



(Handwritten signature)
Nguyễn Văn Thắng